TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2023
V/v: *"Xin ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lê Dung.
2. Ông Phạm Ngọc Trưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, về việc: " Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1984.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Chí P, sinh năm 1983.

Đồng cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị N có mặt; anh P vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2023 và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N tại phiên tòa: Năm 2003 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Chí P, được UBND xã A cấp giấy CNKH 2003 trên cơ sở tự nguyện. Qúa trình chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P chơi cờ bạc, đánh đập tôi nhiều lần, tôi và anh P sống ly thân khoảng 2 tháng nay. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với anh P nên tôi yêu cầu xin được ly hôn với anh P

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 23/8/2006, Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thành S1, sinh ngày 21/6/2019. Cháu S1 lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, riêng các cháu N và S lâu nay do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung N, S và S1, đồng thời yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng x 3 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023.

-Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí P vắng mặt, tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 11/7/2023 anh P trình bày: Năm 2003 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với chị Lê Thị Mỹ N, được UBND xã A cấp giấy CNKH 2003 trên cơ sở tự nguyện. Qúa trình chung sống đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu tiền trả nợ, bản thân tôi lo làm ăn, không chơi cờ bạc lâu nay vợ chồng vẫn sống chung. Hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với chị N xin muốn đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 23/8/2006, Nguyễn Thành S, sinh ngày 21/6/2019 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/10/2011 lâu nay do vợ chồng tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin tiếp tục nuôi dưỡng các con N, S và S1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng (bản thân tôi hiện nay làm nghề thợ hồ, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng).

-Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ N khởi kiện anh Nguyễn Chí P về việc: " Xin ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa, bị đơn anh P vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Nguyễn Chí P tự tìm hiểu tự nguyện kết hôn, được UBND xã An M cấp giấy CNKH năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị N cho rằng quá trình chung sống do anh P không lo làm ăn, chơi cờ bạc, về nhà đánh đập tôi nhiều lần, chị và anh P sống ly thân khoản 02 tháng nay. Hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh P nên yêu cầu xin được ly hôn với anh P; tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 11/7/2023 anh P cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần rất nhiều, anh P vẫn còn tình cảm với chị N và xin được đoàn tụ gia đình.

HĐXX nhận định: Qúa trình chung sống chị N và anh P có xảy ra mâu thuẫn, anh P không lo làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần rất nhiều,anh P không quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình, không ai quan tâm đến ai. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 23/8/2006, Nguyễn Văn S1, sinh ngày 01/10/2011và Nguyễn Thành S, sinh ngày 21/6/2019. Tại phiên tòa, chị N yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên là Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thành S và Nguyễn Văn S1. Đồng thời yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng 03 con chung, mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng x 3 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023; tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh P cũng yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con N, S và S1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. HĐXX

xét thấy, các cháu N và S1 lâu nay do anh P trực tiếp nuôi dưỡng; cháu S lâu nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, để đảm bảo về nguyện vọng của các cháu theo quy định của pháp luật, theo đó tại các bản tự khai ngày 21/4/2023 các cháu N và S1 đều có nguyện vọng muốn ở với chị N. Do đó để đảm bảo về tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của các cháu, cần giao các cháu N, S và S cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị N. HĐXX xét thấy, anh P hiện nay làm nghề thợ hồ, thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị N, buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 03 con chung, mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng x 3 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật; Bị đơn phải chịu án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Chí

2. Về con chung:

- Các cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 23/8/2006, Nguyễn Văn S1, sinh ngày 01/10/2011 hiện nay đang ở với anh Nguyễn Chí P. Buộc anh P phải có nghĩa vụ giao các cháu N và S1 cho chị Lê Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị Lê Thị Mỹ N được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thành S, sinh ngày 21/6/2019.

Buộc anh Nguyễn Chí P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 03 con chung, mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng x 3 cháu = 3.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 09548 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Buộc anh Nguyễn Chí P phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

***Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình